

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 04 NĂM 2015
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2015

Hà Nội, tháng 10 năm 2015



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 04 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Huân	Chủ tịch HĐQT
Ông Phùng Ngọc Sơn	Ủy viên
Ông Trần Đình Khai	Ủy viên
Ông Đoàn Ngọc Hiếu	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Lâm	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Huân	Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty
Ông Nguyễn Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG

Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc. ✓



Nguyễn Quang Huân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2015



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 15.10/2015/BCSX-IFC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 09 năm 2015 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 04 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 30 tháng 10 năm 2015, từ trang 9 đến trang 34.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.


Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 04 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.




Nguyễn Nam Cường
Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1950-2013-072-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2015


Nguyễn Như Phương
Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2012-2013-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

MẪU SỐ B 01a - DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2015	01/04/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		134.200.529.393	39.752.704.029
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.453.045.801	13.428.677.444
1. Tiền	111	V.1	3.253.045.801	13.428.677.444
2. Các khoản tương đương tiền	112		200.000.000	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		120.325.667.536	18.669.890.908
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	14.296.691.776	3.634.518.460
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	89.663.768.582	480.185.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	16.365.207.178	14.555.187.448
III. Hàng tồn kho	140		6.138.644.005	5.359.680.236
1. Hàng tồn kho	141	V.5	6.138.644.005	5.359.680.236
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.283.172.051	2.294.455.441
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	806.098.861	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.474.139.224	2.291.521.475
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		2.933.966	2.933.966
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		279.280.075.656	96.627.983.271
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.059.444.444	-
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.7	10.059.444.444	-
II. Tài sản cố định	220		97.035.173.656	92.815.109.319
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	90.052.991.783	85.690.649.023
- Nguyên giá	222		93.936.492.141	88.040.244.961
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.883.500.358)	(2.349.595.938)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	6.982.181.873	7.124.460.296
- Nguyên giá	228		7.398.478.000	7.398.478.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(416.296.127)	(274.017.704)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		161.824.047.223	1.824.047.223
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	161.824.047.223	1.824.047.223
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		9.969.000.000	1.497.111.202
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.11	9.969.000.000	1.497.111.202
V. Tài sản dài hạn khác	260		392.410.333	491.715.527
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	46.886.549	191.715.527
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		45.523.784	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		300.000.000	300.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		413.480.605.049	136.380.687.300

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

MẪU SỐ B 01a - DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2015	01/04/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		93.018.465.314	69.778.552.653
I. Nợ ngắn hạn	310		24.763.055.372	11.582.663.933
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		2.367.133.261	2.150.934.334
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.204.066.125	2.337.307.714
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	5.225.990.013	5.548.706.363
4. Phải trả người lao động	314		3.431.545.330	781.201.319
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	906.812.269	118.615.099
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	962.339.396	645.899.104
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	9.522.777.778	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		142.391.200	-
II. Nợ dài hạn	330		68.255.409.942	58.195.888.720
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.14	44.378.720.000	34.246.421.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	23.876.689.942	23.949.467.720
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		320.462.139.735	66.602.134.647
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	320.462.139.735	66.602.134.647
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	54.550.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.000.000.000	54.550.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		636.587.297	567.097.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(51.798.297)	(832.308.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.462.410.602	1.462.410.602
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.330.359.807	7.006.481.741
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.696.481.741	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.633.878.066	7.006.481.741
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		4.084.580.326	3.848.453.304
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		413.480.605.049	136.380.687.300

Bùi Thị Xuyên
 Người lập biểu

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2015

Lê Thành Đồng
 Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Huân
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 04 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015

MẪU SỐ B 02a - DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/04/2015 đến 30/09/2015	Từ 01/04/2014 đến 30/09/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	104.969.078.144	20.441.843.790
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		104.969.078.144	20.441.843.790
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	95.963.073.508	14.867.695.298
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.006.004.636	5.574.148.492
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.590.706.505	26.082.257
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.512.107.461	724.273.548
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.484.066.908	714.573.912
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		4.806.426.755	3.469.121.517
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.278.176.925	1.406.835.684
12. Thu nhập khác	31	VI.5	1.288.710.319	1.175.460.121
13. Chi phí khác	32		48.083.640	4.888.770
14. Lợi nhuận khác	40		1.240.626.679	1.170.571.351
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.518.803.604	2.577.407.035
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	1.694.322.300	542.506.279
17. Thu nhập (Chi phí) thuế TNDN hoãn lại	52	VI.6	(45.523.784)	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.870.005.088	2.034.900.756
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		7.558.398.500	1.997.704.738
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		311.606.588	37.196.018
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	424	499

Bùi Thị Xuyên
Người lập biểu

Lê Thành Đồng
Kế toán trưởng




Nguyễn Quang Huân
Tổng Giám đốc


Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2015


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 04 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015

MẪU SỐ B 03a - DN/HN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/04/2015 đến 30/09/2015	Từ 01/04/2014 đến 30/09/2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	9.746.422.523	2.577.407.015
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	1.676.182.843	650.253.503
Các khoản dự phòng	03	-	1.030.039.379
Lãi, lỗ CLTG hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	28.040.553	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(5.524.352.650)	(145.183.169)
Chi phí lãi vay	06	1.484.066.908	714.573.912
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	7.410.360.177	4.827.090.640
Tăng/ giảm các khoản phải thu	09	(100.448.037.757)	(1.492.394.680)
Tăng/ giảm hàng tồn kho	10	(869.082.688)	261.534.684
Tăng/ giảm các khoản phải trả	11	10.940.024.383	4.191.670.845
Tăng/ giảm chi phí trả trước	12	(798.769.883)	(84.431.761)
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.313.218.112)	(714.573.912)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.548.030.638)	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(167.608.800)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(86.794.363.318)	6.988.895.816
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(165.896.247.180)	(964.352.227)
Thu tiền bán thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	-	848.038.177
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(13.059.444.444)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.000.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(12.071.888.798)	(1.400.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	9.000.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	124.352.650	1.740.078
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(178.903.227.772)	(1.514.573.972)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	246.300.000.000	1.998.200.000
Tiền trả lại vốn cho CSH, mua lại cổ phiếu DN đã phát hành	32	-	(676.412.000)
Tiền thu từ đi vay	33	10.600.000.000	3.750.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.150.000.000)	(5.811.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	255.750.000.000	(739.212.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(9.947.591.090)	4.735.109.844
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	13.428.677.444	6.423.990.709
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(28.040.553)	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	3.453.045.801	11.159.100.553


 Bùi Thị Xuyên
 Người lập biểu


 Lê Thành Đồng
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Quang Huân
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09a - DN/HN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long tiền thân là Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Thăng Long (chuyên đổi từ công ty TNHH Phát Triển Hạ Tầng Thăng Long đăng ký lần đầu ngày 02/07/2001). Hiện nay công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101143879 thay đổi lần thứ 12 ngày 05/08/2015, vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 30.000.000 cổ phần và mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty tại căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Cấu trúc Doanh nghiệp

Tại thời điểm 30 tháng 09 năm 2015, Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long có 02 công ty con. Cụ thể bao gồm:

STT	Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty CP Nước Thuận Thành	Bắc Ninh	90,91%	Cung cấp nước sinh hoạt, sản xuất, xây dựng công trình nước
2	Công ty CP Hòa Long	Hòa Bình	93,00%	Sản xuất gạch, ngói

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Khảo sát, điều tra xã hội học, lập kế hoạch đền bù tái định cư và đánh giá tác động môi trường các dự án; Tư vấn chuyển giao công nghệ;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn đầu tư;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San nền đối với công trình xây dựng;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Chi tiết: Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ ngành nước và môi trường;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Buôn bán bất động sản; Đầu tư phát triển các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Buôn bán thiết bị cấp, thoát nước và thiết bị phục vụ môi trường;
- Bán buôn vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Xây dựng, quản lý, khai thác và cung cấp nước sạch;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan./.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Đối với hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tư vấn, chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm sau. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 04 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015.

III. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 04 năm 2015 đến ngày 30 tháng 09 năm 2015.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long và các Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)**

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Các giao dịch và số dư chủ yếu giữa Công ty với các công ty con và giữa các công ty con với nhau đã được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính, lãi/(lỗ) chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các công ty trong nội bộ Công ty cũng đã được loại trừ trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm .

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải thu, theo từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết phải thu ngắn hạn, phải thu dài hạn và ghi chép theo từng lần thanh toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Phương tiện vận tải	04 - 10
Máy móc thiết bị	30
Thiết bị dụng cụ quản lý	03

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác một phần được tập hợp vào chi phí để tính giá thành và một phần được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% tính trên thu nhập chịu thuế. Riêng thuế suất thuế TNDN đối với hoạt động cung cấp nước sạch là 10%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a - DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền

	30/09/2015	01/04/2015
	VND	VND
Tiền mặt	388.423.838	174.481.460
Tiền gửi ngân hàng	2.864.621.963	9.254.195.984
Tiền đang chuyển	-	4.000.000.000
Cộng	3.253.045.801	13.428.677.444

2. Các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng

	30/09/2015	01/04/2015
	VND	VND
BQLDA phát triển toàn diện KTXH TP Việt Trì	1.162.004.001	973.488.250
BQL đầu tư xây dựng công trình dân dụng tỉnh Lạng Sơn	1.149.567.669	947.058.665
BQLDA đầu tư cơ sở hạ tầng PT bền vững TP Lào Cai	898.708.275	-
BQLDA hợp phần phát triển toàn diện KTXH đô thị Hưng Yên	651.320.098	544.235.534
Cty TNHH Econet Engineering	752.462.899	-
Công ty CP XD và TMDL Tuấn Thành Phát	6.500.000.000	-
Công ty TNHH XD và TM Xuân Minh Bảo	2.505.989.000	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	676.639.834	1.169.736.011
Cộng	14.296.691.776	3.634.518.460

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/09/2015	01/04/2015
	VND	VND
Công ty CP ĐTXD công nghệ mới Thuận Thành	8.600.000.000	-
Công ty cổ phần đầu tư EU Việt Nam	19.800.000.000	-
Công ty CP ĐTXD và thương mại Gia Đông	8.600.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Me Kong Việt Nam	19.800.000.000	-
Công ty TNHH Quảng cáo và TM Phúc Lộc	138.935.000	138.935.000
Chi nhánh Công ty CP TVTK Xây dựng PST	106.500.000	106.500.000
Công ty Cổ phần Hạ tầng THPT Việt Nam	13.200.000.000	-
Công ty TNHH Cơ Khí và XD Tân Thành An	17.228.664.582	-
Khách hàng khác	2.189.669.000	234.750.000
Cộng	89.663.768.582	480.185.000

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4. Phải thu ngắn hạn khác

	30/09/2015	01/04/2015
	VND	VND
Ký cược, ký quỹ	5.741.913.900	6.037.793.950
Tạm ứng	4.124.438.213	4.825.079.511
Phải thu khác	6.498.855.065	3.692.313.987
Cộng	16.365.207.178	14.555.187.448

5. Hàng tồn kho

	30/09/2015		01/04/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.138.644.005	-	5.359.680.236	-
Cộng	6.138.644.005	-	5.359.680.236	-

6. Chi phí trả trước

	30/09/2015	01/04/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	806.098.861	-
Cộng	806.098.861	-
b) Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	46.886.549	191.715.527
Cộng	46.886.549	191.715.527

7. Phải thu về cho vay dài hạn

Khoản hợp tác đầu tư theo hợp đồng số 04/HDUTDT ngày 15 tháng 06 năm 2015. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Hạ tầng THPT Việt Nam số tiền 10 tỷ đồng, lợi nhuận cố định là 2%/ năm trên số tiền hợp tác đầu tư trong thời hạn 3 năm. Số tiền lãi phát sinh được thu vào cuối thời hạn của hợp đồng hợp tác đầu tư. Do đó, tại mỗi kỳ báo cáo, Công ty ghi nhận trước số tiền lãi ước tính tương ứng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/04/2015	85.240.194.000	2.756.093.818	43.957.143	88.040.244.961
Đầu tư XDCB hoàn thành	5.896.247.180	-	-	5.896.247.180
Tại ngày 30/09/2015	91.136.441.180	2.756.093.818	43.957.143	93.936.492.141
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/04/2015	899.140.712	1.406.498.083	43.957.143	2.349.595.938
Khấu hao trong kỳ	1.328.734.730	205.169.690	-	1.533.904.420
Tại ngày 30/09/2015	2.227.875.442	1.611.667.773	43.957.143	3.883.500.358
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/04/2015	84.341.053.288	1.349.595.735	-	85.690.649.023
Tại ngày 30/09/2015	88.908.565.738	1.144.426.045	-	90.052.991.783

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất của nhà máy gạch tại Lương Sơn, Hòa Bình với nguyên giá 7.398.478.000 đồng, khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 26 năm, số hao mòn lũy kế đến ngày 30/09/2015 là 416.296.127 đồng.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/09/2015 VND	01/04/2015 VND
Chi phí xây dựng nhà máy nước Hưng Thành, thị trấn Lương Bằng, xã Song Mai, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên (*)	60.000.000.000	-
Dự án giao thông và xử lý nước thải tại thành phố Cần Thơ (**)	100.000.000.000	-
Nhà máy gạch tại Lương Sơn, Hòa Bình	1.824.047.223	1.824.047.223
Cộng	161.824.047.223	1.824.047.223

(*) Hợp tác với Công ty Cổ phần Nước Hưng Long theo hợp đồng số 05/2015/HĐKT ngày 10 tháng 07 năm 2015 về việc hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà máy cung cấp nước sạch tại thị trấn Lương Bằng, xã Song Mai và khu vực lân cận huyện Kim Động tỉnh Hưng. Thời gian hợp tác là 50 năm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(**) Hợp đồng Hợp tác đầu tư “Chuẩn bị đầu tư các dự án giao thông và xử lý nước thải theo hình thức PPP tại thành phố Cần Thơ”, giữa liên danh gồm Công ty quản lý xây dựng & công nghệ thông tin (CMIT - Hàn Quốc) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long (HALCOM), đại diện liên danh là Công ty Halcom (bên A) với Công ty Cổ phần Đầu tư TPP Việt Nam (Bên B). Hai bên thống nhất hình thành liên danh thực hiện hoạt động nghiên cứu tiền khả thi, nghiên cứu khả thi lập dự án đầu tư, đưa ra đề xuất đầu tư các dự án giao thông và xử lý nước thải tại thành phố Cần Thơ. Thời gian hợp tác là 3 năm.

11. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/09/2015		01/04/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mekong VN	9.114.000.000	9.114.000.000	-	-
Công ty Cổ phần An Lạc Sơn	855.000.000	855.000.000	855.000.000	855.000.000
Dự án khác			642.111.202	642.111.202
Cộng	9.969.000.000	9.969.000.000	1.497.111.202	1.497.111.202

Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long sở hữu 911.400 cổ phần trong tổng số 4.800.000 cổ phần của Công ty CP Đầu tư Dầu khí Mekong VN, chiếm tỷ lệ 19%.

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/04/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/09/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.854.128.868	500.024.994	-	2.354.153.862
Thuế thu nhập DN	2.085.584.231	1.694.322.300	1.548.030.638	2.231.875.893
Thuế thu nhập cá nhân	1.608.993.264	430.966.994	1.400.000.000	639.960.258
Cộng	5.548.706.363	2.625.314.288	2.948.030.638	5.225.990.013

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/09/2015	01/04/2015
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	170.848.796	-
Trích trước chi phí dự án Lào Cai	552.955.273	-
Trích trước chi phí khác	183.008.200	118.615.099
Cộng	906.812.269	118.615.099

14. Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

	30/09/2015	01/04/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn;	54.171.607	42.742.998
- Bảo hiểm xã hội, y tế	370.160.380	245.055.361
- Các khoản phải trả, phải nộp khác.	538.007.410	358.100.745
Cộng	962.339.397	645.899.104
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	526.489.000	694.190.000
- NSNN hỗ trợ xây dựng nhà máy nước (*)	43.852.231.000	33.552.231.000
Cộng	44.378.720.000	34.246.421.000

(*) Theo văn bản số 894/UBND-KTTH ngày 16/5/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh, Công ty được hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước 45% tổng dự toán của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đồng thời hỗ trợ lãi suất vay ngân hàng cho phần vốn đầu tư của doanh nghiệp (55% tổng dự toán của dự án được phê duyệt) trong thời gian 5 năm kể từ ngày khởi công. Hiện Công ty có 02 dự án được hỗ trợ: dự án thị trấn Hồ theo quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 26/07/2011 và dự án xã Gia Đông theo quyết định 477/QĐ-UBND ngày 26/5/2014. Nguồn vốn này sẽ được thu hồi dần theo tỷ lệ khấu hao TSCĐ quy định tại Quyết định 138/2014/QĐ-UBND ngày 07/05/2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU SỐ B 09a - DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

15. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	30/09/2015		Trong năm		01/04/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn Công ty CP Sản xuất và Thương mại Bắc Việt	600.000.000	600.000.000	600.000.000	-	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	8.922.777.778	8.922.777.778	-	-	-	-
Tổng	9.522.777.778	9.522.777.778	600.000.000	-	-	-

16. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn

	30/09/2015		Trong năm		01/04/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	32.799.467.720	32.799.467.720	10.000.000.000	1.150.000.000	23.949.467.720	23.949.467.720
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Ba Đình (i)	29.099.467.720	29.099.467.720	10.000.000.000	1.000.000.000	20.099.467.720	20.099.467.720
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Bắc Ninh (ii)	3.700.000.000	3.700.000.000	-	150.000.000	3.850.000.000	3.850.000.000
Cộng	32.799.467.720	32.799.467.720	10.000.000.000	1.150.000.000	23.949.467.720	23.949.467.720

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG

Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2015
đến ngày 30/09/2015

MẪU SỐ B 09a - DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Ba Đình theo các hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng số 01.2012/HĐTD-PGD2 ngày 07/03/2012 số tiền 21 tỷ đồng. Thời hạn cho 60 tháng kể từ ngày bắt đầu nhận tiền vay. Lãi suất vay là 20%/năm, điều chỉnh 03 tháng/lần, lãi trả hàng tháng. Tiền vay để đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sạch tại Đông Côi, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Tài sản đảm bảo là các quyền sử dụng đất của bên thứ 3.
- Hợp đồng tín dụng số 06/2014-HĐTDDA/NHCT124-NTT ngày 27/11/2014 với hạn mức vay là 14,74 tỷ đồng, lãi suất 10%/năm dùng để đầu tư Nhà máy nước Thuận Thành. Thời hạn trả nợ là ngày 07/03/2017.
- Hợp đồng tín dụng số 2406/2015-HĐTD/NHCT124-THUAN THANH ngày 24/06/2015 số tiền 10 tỷ đồng. Thời hạn cho vay đến khi NSNN cấp nhưng không muộn hơn 31/12/2016. Lãi suất vay là 10%/năm. Vốn vay dùng để đầu tư xây dựng hệ thống đường ống cấp nước sạch nông thôn xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Tài sản đảm bảo là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhà máy của hệ thống cấp nước thị trấn Hồ.

(ii) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng 002/14/ĐTDA/BN ngày 16/01/2014 với tổng số tiền được vay là 10 tỷ đồng, thời hạn cho vay là 60 tháng, thời hạn rút vốn là 06 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Lãi suất áp dụng theo quy định của ngân hàng, điều chỉnh 03 tháng/lần, lãi quá hạn bằng 140% lãi suất trong hạn, trả lãi hàng tháng. Tiền vay để đầu tư xây dựng dự án " Hệ thống cấp nước sạch thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh ". Tài sản đảm bảo là hợp đồng bảo lãnh của Quỹ bảo lãnh tín dụng tỉnh Bắc Ninh và tài sản hình thành trong tương lai của dự án và/ hoặc tài sản bảo lãnh của Bên thứ ba. Công ty đã giải ngân số tiền 4 tỷ đồng theo Giấy nhận nợ ngày 23/01/2014.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

30/09/2015

VND

Trong vòng một năm	8.922.777.778
Trong năm thứ hai	22.543.356.609
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.333.333.333
Sau năm năm	-

32.799.467.720

Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng
(đã trình bày ở phần vay ngắn hạn)

8.922.777.778

23.876.689.942

Số phải trả sau 12 tháng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU SỐ B 09a - DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

17. Vốn chủ sở hữu

a/ Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND				VND	VND		
Số dư tại ngày 01/04/2014	40.000.000.000	567.097.000	(324.646.000)	1.462.410.602	(1.043.769.978)	1.702.359.290	42.363.450.914	VND	
Vốn góp tăng trong năm	14.550.000.000	-	-	-	-	1.948.748.918	16.498.748.918		
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	9.848.687.175	10.199.826.891		
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(1.834.731.159)	351.139.716	(1.834.731.159)		
Giảm khác	-	-	(507.662.000)	-	36.295.703	(153.794.620)	(625.160.917)		
Số dư tại ngày 31/03/2015	54.550.000.000	567.097.000	(832.308.000)	1.462.410.602	7.006.481.741	3.848.453.304	66.602.134.647		
Số dư tại ngày 01/04/2015	54.550.000.000	567.097.000	(832.308.000)	1.462.410.602	7.006.481.741	3.848.453.304	66.602.134.647		
Vốn góp tăng trong kỳ (*)	245.450.000.000	69.490.297	-	-	-	-	245.519.490.297		
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	7.558.398.500	7.870.005.088		
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(310.000.000)	311.606.588	(310.000.000)		
Thay đổi lợi ích các bên do tăng tỷ lệ sở hữu của Công ty	-	-	-	-	-	(75.479.566)	(75.479.566)		
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	780.509.703	-	-	-	780.509.703		
Số dư tại ngày 30/09/2015	300.000.000.000	636.587.297	(51.798.297)	1.462.410.602	14.330.359.807	4.084.580.326	320.462.139.735		

(*) Trong kỳ, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng theo nghị quyết số 02-2015/NQ-DHCD/HALCOM ngày 22 tháng 5 năm 2015 của Đại hội cổ đông bất thường năm 2015 tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long. Theo đó, các cổ đông đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty từ 60.000.000.000 đồng lên thành 300.000.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU SỐ B 09a - DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
b/ Cổ phiếu

	30/09/2015	01/04/2015
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.000.000	5.455.000
- Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	5.455.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	5.641	83.231
- Cổ phiếu phổ thông	5.641	83.231
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.994.359	5.371.769
- Cổ phiếu phổ thông	29.994.359	5.371.769
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

18. Bộ phận theo khu vực địa lý và bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại tòa nhà 101 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Đồng thời, Công ty có các công ty con đặt trụ sở tại Bắc Ninh và Hòa Bình. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG

Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ,

Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤTCho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2015
đến ngày 30/09/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất***MẪU SỐ B 09a - DN/HN****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30/09/2015

	Hà Nội VND	Bắc Ninh VND	Hòa Bình VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	323.986.774.126	200.857.334.765	9.820.274.673	(121.183.778.515)	413.480.605.049
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-
Tổng tài sản	323.986.774.126	200.857.334.765	9.820.274.673	(121.183.778.515)	413.480.605.049
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	10.488.351.868	153.227.080.826	1.004.716.000	(71.701.683.380)	93.018.465.314
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	10.488.351.868	153.227.080.826	1.004.716.000	(71.701.683.380)	93.018.465.314
Doanh thu					
Giá vốn	95.682.483.978	10.064.516.896	-	(777.922.730)	104.969.078.144
Doanh thu hoạt động tài chính	91.477.764.958	5.035.612.361	-	(550.303.811)	95.963.073.508
Chi phí tài chính	5.586.147.290	4.559.215	-	-	5.590.706.505
Chi phí hoạt động	28.040.553	1.484.066.908	-	-	1.512.107.461
Thu nhập, chi phí khác	4.134.939.125	528.707.207	142.780.423	-	4.806.426.755
Thuế TNDN	250.463.419	990.163.260	-	-	1.240.626.679
Lợi nhuận sau thuế	1.293.237.011	401.085.289	-	(45.523.784)	1.648.798.516
	4.585.113.040	3.609.767.606	(142.780.423)	(182.095.135)	7.870.005.088

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU SỐ B 09a - DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 01/04/2015	Hà Nội VND	Bắc Ninh VND	Hòa Bình VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	72.315.048.122	96.950.142.363	9.961.339.096	(42.845.842.281)	136.380.687.300
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-
Tổng tài sản	72.315.048.122	96.950.142.363	9.961.339.096	(42.845.842.281)	136.380.687.300
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	9.391.738.904	60.475.853.750	4.003.000.000	(4.092.040.001)	69.778.552.653
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	9.391.738.904	60.475.853.750	4.003.000.000	(4.092.040.001)	69.778.552.653
Doanh thu	17.863.779.251	2.578.064.539	-	-	20.441.843.790
Giá vốn	12.763.241.183	2.104.454.115	-	-	14.867.695.298
Doanh thu hoạt động tài chính	24.342.179	1.740.078	-	-	26.082.257
Chi phí tài chính	100.587.993	623.685.555	-	-	724.273.548
Chi phí hoạt động	2.950.457.818	379.654.847	139.008.852	-	3.469.121.517
Thu nhập, chi phí khác	183.371.351	987.200.000	-	-	1.170.571.351
Thuế TNDN	496.585.269	45.921.010	-	-	542.506.279
Lợi nhuận sau thuế	1.760.620.518	413.289.090	(139.008.852)	-	2.034.900.756

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 4 bộ phận hoạt động:

- Hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ;
- Hoạt động xây dựng;
- Hoạt động cung cấp nước sạch;
- Hoạt động đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG
Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2015
đến ngày 30/09/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a - DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

Từ ngày 01/04/2015 đến ngày 30/09/2015	Hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ VND	Hoạt động xây lắp VND	Hoạt động cung cấp nước VND	Hoạt động đầu tư VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Tài sản						
Tài sản bộ phận	35.033.604.355	9.361.615.624	190.640.719.141	299.628.444.444	(121.183.778.515)	413.480.605.049
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản	35.033.604.355	9.361.615.624	190.640.719.141		(121.183.778.515)	413.480.605.049
Nợ phải trả						
Nợ phải trả bộ phận	11.493.067.868	2.644.140.000	150.582.940.826	-	(71.701.683.380)	93.018.465.314
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	11.493.067.868	2.644.140.000	150.582.940.826		(71.701.683.380)	93.018.465.314

Doanh thu	Hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ VND	Hoạt động xây lắp VND	Hoạt động cung cấp nước VND	Hoạt động đầu tư VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu	95.682.483.978	8.208.195.423	1.078.398.743	5.590.706.505	-	110.559.784.649
Giá vốn	91.360.146.040	3.017.035.455	1.585.892.013	1.512.107.461	-	97.475.180.969
Chi phí quản lý	4.134.939.125	528.707.207	142.780.423	-	-	4.806.426.755
Kết quả kinh doanh bộ phận	187.398.813	4.662.452.761	(650.273.693)	4.078.599.044	-	8.278.176.925

Các khoản không phân bổ

(408.171.837)
7.870.005.088

Kết quả hoạt động kinh doanh

Do hoạt động kinh doanh từ ngày 01/04/2014 đến ngày 30/09/2014 chủ yếu là hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ, hoạt động cung cấp nước chiếm tỷ trọng thấp nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho giai đoạn này.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/04/2015 đến 30/09/2015	Từ 01/04/2014 đến 30/09/2014
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	104.969.078.144	20.441.843.790
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	84.553.985.042	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.128.498.936	17.863.779.251
Doanh thu bán nước sinh hoạt	1.078.398.743	734.712.355
Doanh thu cho thuê xe	-	161.890.920
Doanh thu khảo sát, lắp đặt ống nước	-	1.681.461.264
Doanh thu hợp đồng xây dựng	8.208.195.423	-
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	104.969.078.144	20.441.843.790

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/04/2015 đến 30/09/2015	Từ 01/04/2014 đến 30/09/2014
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	84.207.067.112	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.153.078.928	12.763.241.183
Giá vốn bán nước sinh hoạt	1.585.892.013	677.282.448
Giá vốn cho thuê xe	-	99.649.630
Giá vốn khảo sát, lắp đặt ống nước	-	1.327.522.037
Giá vốn hợp đồng xây dựng	3.017.035.455	-
Cộng	95.963.073.508	14.867.695.298

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/04/2015 đến 30/09/2015	Từ 01/04/2014 đến 30/09/2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	124.352.650	26.082.257
Lãi đầu tư cổ phiếu	5.400.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	66.353.855	-
Cộng	5.590.706.505	26.082.257

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONGCăn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, TP Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2015
đến ngày 30/09/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09a - DN/HN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****4. Chi phí tài chính**

	Từ 01/04/2015 đến 30/09/2015	Từ 01/04/2014 đến 30/09/2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.484.066.908	714.573.912
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	28.040.553	-
Chi phí tài chính khác	-	9.699.636
Cộng	1.512.107.461	724.273.548

5. Thu nhập khác

	Từ 01/04/2015 đến 30/09/2015	Từ 01/04/2014 đến 30/09/2014
	VND	VND
Tiền hỗ trợ lãi suất của NSNN	993.000.000	991.400.000
Các khoản khác.	295.710.319	184.060.121
Cộng	1.288.710.319	1.175.460.121

6. Chi phí thuế TNDN hiện hành, thuế TNDN hoãn lại

	Từ 01/04/2015 đến 30/09/2015	Từ 01/04/2014 đến 30/09/2014
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.694.322.300	542.506.279
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.694.322.300	542.506.279
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(45.523.784)	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(45.523.784)	-

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/04/2015 đến 30/09/2015	Từ 01/04/2014 đến 30/09/2014
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập DN	7.558.398.500	1.997.704.738
Số cổ phần lưu hành đầu kỳ	5.455.000	4.000.000
Số cổ phần lưu hành cuối kỳ	30.000.000	4.000.000
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	17.816.967	4.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	424	499

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/04/2015 đến 30/09/2015	Từ 01/04/2014 đến 30/09/2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	84.324.686.030	-
Chi phí nhân công	9.012.634.939	13.130.694.748
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.676.182.843	650.253.503
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.044.186.269	5.002.980.569
Chi phí khác bằng tiền	722.279.948	1.101.432.122
Cộng	100.779.970.029	19.885.360.942

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/09/2015 VND	01/04/2015 VND
Các khoản vay	33.399.467.720	23.949.467.720
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	3.453.045.801	13.428.677.444
Nợ thuần	29.946.421.919	10.520.790.276
Vốn chủ sở hữu	320.462.139.735	66.602.134.647
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	9,34%	15,80%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV “Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu” tương ứng.

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/09/2015	01/04/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.453.045.801	13.428.677.444
Phải thu khách hàng và phải thu khác	34.979.429.498	12.151.911.958
Đầu tư dài hạn	9.969.000.000	1.497.111.202
Các khoản ký quỹ	5.741.913.900	6.037.793.950
Cộng	54.143.389.199	33.115.494.554
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	33.399.467.720	23.949.467.720
Phải trả người bán và phải trả khác	47.708.192.657	37.043.254.438
Chi phí phải trả	906.812.269	118.615.099
Cộng	82.014.472.646	61.111.337.257

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

Công ty chịu rủi ro lãi suất lớn phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất với lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro lãi suất theo giá trị hợp lý của các khoản vay này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09a - DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 30/09/2015			
Tiền	3.453.045.801	-	3.453.045.801
Phải thu khách hàng và phải thu khác	24.919.985.054	10.059.444.444	34.979.429.498
Đầu tư dài hạn	9.969.000.000	-	9.969.000.000
Các khoản ký quỹ	5.741.913.900	-	5.741.913.900
Cộng	44.083.944.755	10.059.444.444	54.143.389.199
Tại ngày 30/09/2015			
Các khoản vay	9.522.777.778	23.876.689.942	33.399.467.720
Phải trả người bán và phải trả khác	3.329.472.657	44.378.720.000	47.708.192.657
Chi phí phải trả	906.812.269	-	906.812.269
Cộng	13.759.062.704	68.255.409.942	82.014.472.646
Chênh lệch thanh khoản thuần	30.324.882.051	(58.195.965.498)	(27.871.083.447)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

2. Số liệu so sánh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01 tháng 04 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh.

TÀI SẢN	Mã số	Số trước phân loại	Số phân loại lại	Số sau phân loại
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	33.714.910.079	6.037.793.950	39.752.704.029
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	7.807.017.447	10.862.873.461	18.669.890.908
Phải thu ngắn hạn khác	136	3.692.313.987	10.862.873.461	14.555.187.448
Tài sản ngắn hạn khác	150	7.119.534.952	(4.825.079.511)	2.294.455.441
Thuế GTGT được khấu trừ	152	2.294.455.441	(2.933.966)	2.291.521.475
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	-	2.933.966	2.933.966
Tài sản ngắn hạn khác	155	4.825.079.511	(4.825.079.511)	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	102.665.777.221	(6.037.793.950)	96.627.983.271
Tài sản dở dang dài hạn	240	824.047.223	1.000.000.000	1.824.047.223
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	824.047.223	1.000.000.000	1.824.047.223
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6.797.111.202	(5.300.000.000)	1.497.111.202
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6.797.111.202	(5.300.000.000)	1.497.111.202
Tài sản dài hạn khác	260	2.229.509.477	(1.737.793.950)	491.715.527
Chi phí trả trước dài hạn	261	1.191.715.527	(1.000.000.000)	191.715.527
Tài sản dài hạn khác	268	1.037.793.950	(737.793.950)	300.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	136.380.687.300	-	136.380.687.300

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Số liệu so sánh (Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Số trước phân loại	Số phân loại lại	Số sau phân loại
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	36.226.321.654	33.552.230.999	69.778.552.653
Nợ dài hạn	330	24.643.657.720	33.552.231.000	58.195.888.720
Phải trả dài hạn khác	337	694.190.000	33.552.231.000	34.246.421.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	96.152.117.724	(29.549.983.077)	66.602.134.647
I. Vốn chủ sở hữu	410	62.599.886.724	4.002.247.923	66.602.134.647
Cổ phiếu quỹ	415	(982.541.413)	150.233.413	(832.308.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421			
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a			
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	7.002.920.535	3.561.206	7.006.481.741
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	-	3.848.453.304	3.848.453.304
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	33.552.231.000	(33.552.231.000)	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	33.552.231.000	(33.552.231.000)	-
E. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	4.002.247.923	(4.002.247.923)	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	136.380.687.300	-	136.380.687.300

3. Sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo

Không có sự kiện phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính cần điều chỉnh hoặc công bố trên thuyết minh Báo cáo tài chính.



Bùi Thị Xuyên
Người lập biểu



Lê Thành Đồng
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Huân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2015

